

TỈNH ỦY CAO BẰNG  
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

\*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ngày thi: 13/4/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	8,00	Tám	41	Nông Quốc Huy	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lê Nam Bắc	8,00	Tám	42	Đàm Thu Lệ	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Đình Bằng	8,00	Tám	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	8,00	Tám	44	Hoàng Diệu Linh	7,50	Bảy phẩy năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Lăng Văn Long	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Bế Ngọc Công	7,00	Bảy	46	Nông Văn Long		<b>Thôi học</b>
7	Đình Văn Cường	6,50	Sáu phẩy năm	47	Nông Đức Long	7,00	Bảy
8	Lương Thị Đào	6,50	Sáu phẩy năm	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bế Thanh Đạt	7,00	Bảy	49	Tô Linh Nam	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Đặng Xuân Định	7,50	Bảy phẩy năm	50	Đình Thị Thanh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
11	Mã Văn Duệ	8,00	Tám	51	Hà Văn Nghị	7,00	Bảy
12	Nông Thị Mỹ Dung	8,00	Tám	52	Trương Đại Nghĩa	7,50	Bảy phẩy năm
13	Bạch Thái Dũng	7,00	Bảy	53	Hoàng Văn Nguyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Nguyễn Tiến Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,00	Tám
15	Hà Ngọc Dương	8,00	Tám	55	Nông Thị Minh Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
16	Phạm Thị Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	56	Bế Văn Nhân	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Trần Nguyên Giáp	8,00	Tám	57	Nông Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Ma Thị Hải	8,00	Tám	58	Dương Thanh Phong	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Ngọc Hải	8,00	Tám	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lâm Thị Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Hoàng Quang Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Bàn Tồn Sao	7,00	Bảy
22	Vũ Thị Thu Hiền	8,00	Tám	62	Đình Thị Hồng Sợi	7,50	Bảy phẩy năm

*ĐHK*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	63	Nông Đức Tài	7,50	Bảy phẩy năm
24	Nông Thị Hòa	8,00	Tám	64	Nông Hồng Thẩm		<b>Không đủ điều kiện thi</b>
25	Lục Xuân Hòa	6,50	Sáu phẩy năm	65	Phan Văn Thành	7,50	Bảy phẩy năm
26	Thẩm Đức Hoàng	7,00	Bảy	66	Phan Thiêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Nông Duy Hoảng	8,00	Tám	67	Lê Thị Xuân Thương	8,00	Tám
28	Hoàng Doãn Hoạt	7,50	Bảy phẩy năm	68	Đàm Thị Thanh Thủy	8,00	Tám
29	Hoàng Văn Hội	6,00	Sáu	69	Lê Minh Thụy	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lê Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Thị Thu Trang	8,00	Tám
31	Hoàng Văn Huấn	7,50	Bảy phẩy năm	71	Phan Minh Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đình Văn Hùng	8,00	Tám	72	Nông Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Trần Văn Hùng	8,00	Tám	73	Đình Kiều Trinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Bế Văn Hùng	8,00	Tám	74	Lê Kim Trường	8,00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	8,25	Tám phẩy hai năm	75	Hồ Anh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	8,00	Tám	76	Hứa Thanh Tùng	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	8,00	Tám
38	Nông Hồng Hương	8,00	Tám	78	Đoàn Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Trương Ngọc Hữu	8,00	Tám	79	Đoàn Thanh Tuyên	8,00	Tám
40	Lý Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyên	8,00	Tám

**GHI ĐIỂM**



**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thủy**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Việt Hưng**